

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ THĂNG LONG**

*Báo cáo tài chính riêng
Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010*

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2010

Bảng cân đối kế toán Quý 4 năm 2010

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2010

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long là Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và thay đổi lần thứ 13 số 0101164614 ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (Trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (Trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; Tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;
- Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Lập trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (Không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Cổng thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);
- Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty: Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này .

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm tháng 8/2001
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 4/2009
Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 4/2009
Ông Phạm Quang Tiến	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 3/2010
Ông Nguyễn Xuân Biều	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm tháng 3/2010

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Quang Tiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 8/2010
Bà Hồ Thanh Hương	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm tháng 8/2010
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng	Bổ nhiệm tháng 7/2007
Ông Torsten Illgen	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm tháng 8/2010

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Phúc Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.019.789.378	76.196.332.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.343.822.635	21.493.916.848
1. Tiền	111	V.01	4.343.822.635	21.493.916.848
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13.368.564.000	48.782.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.368.564.000	48.782.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		11.844.193.698	647.995.401
1. Phải thu của khách hàng	131		9.148.941.067	82.981.901
2. Trả trước cho người bán	132		1.610.048.544	2.093.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.085.204.087	562.920.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1.314.069.845	68.798.982
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.314.069.845	68.798.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.149.139.200	5.203.120.799
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.981.063	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		264.139.141	203.120.799
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.877.018.996	5.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		210.677.481.698	91.216.356.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		5.364.243.616	5.914.210.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.066.111.044	1.186.289.062
- Nguyên giá	222		7.692.319.722	3.134.187.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.626.208.678)	(1.947.898.927)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	185.541.663	216.041.666
- Nguyên giá	228		305.000.000	305.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(119.458.337)	(88.958.334)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	112.590.909	4.511.880.000
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		194.334.491.000	80.200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		185.710.400.000	77.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			3.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8.624.091.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.978.747.082	5.102.146.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	409.909.082	102.146.125
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.568.838.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253.697.271.076	167.412.688.883

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.604.517.398	57.503.859.269
I. Nợ ngắn hạn	310		49.205.933.034	45.106.126.159
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	28.605.583.495	27.064.848.832
2. Phải trả người bán	312		3.503.801.749	1.617.062.500
3. Người mua trả tiền trước	313		310.703.950	311.603.950
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	656.397.810	831.827.659
5. Phải trả người lao động	315		155.169.845	
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3.539.178.437	146.452
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12.658.400.925	15.239.539.943
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(223.303.177)	41.096.823
II. Nợ dài hạn	330		34.398.584.364	12.397.733.110
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			12.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	34.386.242.364	385.391.110
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12.342.000	12.342.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 năm 2010

8. Doanh thu chưa thực hiện	338
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170.092.753.678	109.908.829.614
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	170.092.753.678	109.908.829.614
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	105.957.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.092.753.678	3.951.829.614
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		253.697.271.076	167.412.688.883

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Dự toán chi hoạt động	006			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Thị Thanh Mai

Trần Xuân Đại Thắng

Nguyễn Phúc Long

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Mẫu số B 02 - DN*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2010	Luỹ kế năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	152.042.959	59.239.024.805
03	2. Các khoản giảm trừ	VI.26		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	152.042.959	59.239.024.805
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.28	151.151.713	59.410.497.207
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		891.246	(171.472.402)
21	6. Doanh thu tài chính	VI.29	7.190.935.625	56.424.759.623
22	7. Chi phí tài chính	VI.30	4.061.840.699	30.077.500.912
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.061.840.699	6.377.500.912
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.494.387.827	4.083.915.000
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.635.598.345	22.091.871.309
31	11. Thu nhập khác		7.682.147	9.062.147
32	12. Chi phí khác		199.675.444	301.513.696
40	13. Lợi nhuận khác		(191.993.297)	(292.451.549)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.443.605.048	21.799.419.760
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.31	403.473.749	5.585.865.982
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	VI.32		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.040.131.300	16.213.553.778

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Thị Thanh Mai

Trần Xuân Đại Thắng

Nguyễn Phúc Long

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Quý 4 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2010	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.443.605.048	21.799.419.760
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		(72.210.162)	708.809.754
- Các khoản dự phòng	03			
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.190.935.625)	(56.424.759.623)
- Chi phí lãi vay	06		4.061.840.699	6.377.500.912
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.757.700.040)	(27.539.029.197)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(5.833.991.632)	(11.196.198.297)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(435.249.946)	(1.245.270.863)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(481.290.137)	2.559.072.212
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(19.854.886)	(315.744.020)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.061.840.699)	(6.377.500.912)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.182.392.234)	(5.971.491.918)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.942.983.836	6.942.983.836
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(375.000.000)	(6.902.096.125)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(11.204.335.738)	(50.045.275.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(172.124.543)	(4.930.755.725)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(102.588.436.632)	(157.941.900.880)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		129.471.890.874	200.738.339.307
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.361.152.187)	(160.463.691.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.080.000.000	44.480.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.894.779.454	31.428.603.452
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		13.324.956.966	(46.689.404.846)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2010	Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			44.043.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.442.222.495	126.441.669.714
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.428.668.715)	(90.900.083.797)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(5.986.446.220)	79.584.585.917
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.865.824.992)	(17.150.094.213)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.209.647.627	21.493.916.848
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.343.822.635	4.343.822.635

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

0

Phạm Thị Thanh Mai

Trần Xuân Đại Thắng

Nguyễn Phúc Long

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long là Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và thay đổi lần thứ 13 số 0101164614 ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- ✓ Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- ✓ Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- ✓ Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- ✓ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- ✓ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- ✓ Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- ✓ Đầu tư, khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (Trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- ✓ Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (Trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- ✓ Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; Tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- ✓ Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- ✓ Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- ✓ Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- ✓ Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;
- ✓ Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;
- ✓ Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✓ Lắp trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- ✓ Dịch vụ cầm đồ;

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

- ✓ Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ✓ Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (Không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- ✓ Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- ✓ Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- ✓ Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- ✓ Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- ✓ Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- ✓ Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- ✓ Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- ✓ Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- ✓ Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- ✓ Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- ✓ Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- ✓ Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- ✓ Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- ✓ Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✓ Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- ✓ Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- ✓ Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- ✓ Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- ✓ Công nghệ thông tin;
- ✓ Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- ✓ Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- ✓ Dịch vụ liên quan đến in;
- ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

- ✓ Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- ✓ Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Hệ thống kế toán Việt nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính giả định đặt ra

2. Đầu tư và công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể mà không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của công

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá phần vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản vốn góp dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định không tham gia và hoạt động sản xuất và hoạt động dưới công suất theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5 Năm
- Bản quyền, bằng phát minh sáng chế	20 Năm

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để bù trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
01. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	711.655.721	21.487.482.952
- Tiền gửi ngân hàng	3.632.166.914	6.433.896
- Tiền đang chuyển		
Cộng	4.343.822.635	21.493.916.848
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác	13.368.564.000	48.782.500.000
- Cho Cty Cổ phần KD vàng Quốc tế vay		20.000.000.000
- Công ty CP Bất động sản Hà Thành vay		22.782.500.000
- Gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nam Việt		6.000.000.000
- Công ty CP ĐT PTĐT Sinh thái Vân Trì	295.200.000	
- Công ty CP CK TM&CN Việt Nam	13.000.000.000	
- Công ty CP DVTM Cửa Tùng	73.364.000	
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng	13.368.564.000	48.782.500.000
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu của người lao động		
- Phải thu khác	900.866.583	399.999.900
- Lãi cho các tổ chức, cá nhân vay	184.337.504	162.920.100
Cộng	1.085.204.087	562.920.000
04. Hàng tồn kho		
	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ	59.040.000	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Chi phí của Ban quản lý các dự án)	1.255.029.845	
- Thành phẩm		68.798.982
- Hàng hoá		
- Hàng gửi bán		
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Hàng hoá bất động sản		
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	1.314.069.845	68.798.982

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
Sửa chữa văn phòng		
Dự án khu nghỉ dưỡng (*)		
Mua sắm tài sản cố định (<i>mua sắm TSCĐ cho văn phòng mới của Công ty</i>)	112.590.909	4.511.880.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Cộng	112.590.909	4.511.880.000

13. Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn	258.522.750	
- Đầu tư dài hạn khác (*)	8.365.568.250	
Cộng	8.624.091.000	

(*) là các khoản đầu tư của Công ty vào Dự án khu nhà ở với Công ty CP Cao su và Chất dẻo Đại Mỗ tại Từ Liêm - Hà Nội

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Giá trị Công cụ dụng cụ xuất dùng	355.902.044	102.146.125
- Chi phí sửa chữa văn phòng	54.007.038	
- Chi phí sửa chữa xe		
- Chi phí khác	114.060.000	
Cộng	409.909.082	102.146.125

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Vay ngắn hạn	28.344.361.099	26.800.000.000
+ <i>Vay của Cty CP Đầu tư Thăng Long</i>		15.700.000.000
+ <i>Vay của Cty CP VH-TT Thăng Long</i>	2.863.270.833	2.900.000.000
+ <i>Vay của Cty CP Truyền thông TCCK VN</i>	7.725.140.266	8.200.000.000
+ <i>Vay của Ông Hồ Văn Dũng</i>	4.560.000.000	
+ <i>Vay của Cty CP Đầu tư Thăng Long P.Thọ</i>	11.195.950.000	
+ <i>Vay của Cty CP Chứng khoán Vics</i>	2.000.000.000	
+ <i>Vay của Cty Chứng khoán VICS</i>		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	261.222.396	264.848.832
- <i>Ngân hàng ANZ</i>	188.139.408	191.765.844
- <i>Ngân hàng HSBC</i>	73.082.988	73.082.988
Cộng	28.605.583.495	27.064.848.832

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Thuế GTGT		42.486.811
- Thuế TTĐB		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.473.749	789.099.684
- Thuế thu nhập cá nhân	252.924.061	241.164
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	656.397.810	831.827.659

17. Chi phí phải trả

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Chi phí lãi vay phải trả	3.539.178.437	146.452
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Chi phí phải trả khác		
Cộng	3.539.178.437	146.452

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội	71.503	26.143.222
- Bảo hiểm y tế	14.627	4.870.138
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.500	8.526.583
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.658.308.295	15.200.000.000
'+ Nhận đặt cọc của Công ty CP BĐS Megastar	12.000.000.000	12.000.000.000
'+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	658.308.295	3.200.000.000
Cộng	12.658.400.925	15.239.539.943

20. Vay và nợ dài hạn

	Ngày 31/12/2010	Ngày 01/01/2010
- Vay dài hạn	127.795.150	
+ Vay ngân hàng ANZ	48.621.950	233.134.922
+ Vay ngân hàng HSBC	79.173.200	152.256.188
+ Vay tiền của CTy CP Tòa nhà CNTT - TT	34.258.447.214	
- Vay đối tượng khác		
- Nợ dài hạn		
Cộng	34.386.242.364	385.391.110

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4/2010	Luỹ kế năm 2010
Doanh thu bán hàng	152.042.959	59.239.024.805
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	<u>152.042.959</u>	<u>59.239.024.805</u>

28. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2010	Luỹ kế năm 2010
- Giá vốn hàng hóa đã bán	151.151.713	59.410.497.207
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		
Cộng	<u>151.151.713</u>	<u>59.410.497.207</u>

29. Doanh thu tài chính

	Quý 4/2010	Luỹ kế năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	487.821.125	2.371.645.123
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	6.703.114.500	54.053.114.500
Cộng	<u>7.190.935.625</u>	<u>56.424.759.623</u>

30. Chi phí tài chính

	Quý 4/2010	Luỹ kế năm 2010
- Chi phí lãi vay	4.061.840.699	6.377.500.912
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Chi phí hoạt động tài chính khác		23.700.000.000
Cộng	<u>4.061.840.699</u>	<u>30.077.500.912</u>

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4/2010	Luỹ kế năm 2010
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.443.605.048	21.799.419.760
- Điều chỉnh tăng	170.289.946	544.044.167
- Điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	1.613.894.994	22.343.463.927

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất	25%	25%
Số thuế TNDN được giảm		
Cộng	403.473.749	5.585.865.982

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/2010	Luỹ kế năm 2010
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.925.001	18.064.325
- Chi phí nhân công	627.548.922	2.189.462.712
- Chi phí khấu hao TSCĐ	374.852.679	1.538.347.279
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	510.142.126	59.552.201.400
- Chi phí khác bằng tiền	127.070.812	196.336.491
Cộng	1.645.539.540	63.494.412.207

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

NGƯỜI LẬP**KẾ TOÁN TRƯỞNG****CHỦ TỊCH HĐQT****Phạm Thị Thanh Mai****Trần Xuân Đại Thắng****Nguyễn Phúc Long**

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ		2.598.366.040	535.821.949	3.134.187.989
- Mua trong kỳ		4.637.380.000	293.375.725	4.930.755.725
- Đầu tư XDCB hoàn thành				
- Tăng khác (tăng do hợp n hất)				
- Chuyển sang BĐS đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán			372.623.992	372.623.992
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ		7.235.746.040	456.573.682	7.692.319.722
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ		(1.588.115.364)	(359.783.562)	(1.947.898.927)
- Số khấu hao trong kỳ		(954.877.929)	(96.055.814)	(1.050.933.743)
- Tăng khác (do hợp nhất)				
- Chuyển sang BĐS đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán			372.623.992	
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ		(2.542.993.293)	(83.215.384)	(2.626.208.678)
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ		1.010.250.676	176.038.387	1.186.289.062
2. Tại ngày cuối kỳ		4.692.752.747	373.358.298	5.066.111.044

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Phòng 502 - Tòa nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ			305.000.000	305.000.000
- Mua trong kỳ				-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				-
- Số giảm trong năm				-
+ Thanh lý, nhượng bán				-
+ Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	-	-	305.000.000	305.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ			(88.958.334)	(88.958.334)
- Số khấu hao trong kỳ			(30.500.000)	(30.500.000)
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	-	-	(119.458.337)	(119.458.337)
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	216.041.666	216.041.666
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	185.541.663	185.541.663

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Phòng 502 - Toà nhà 27 - Huỳnh Thúc Kháng - TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	105.957.000.000			3.951.829.614	109.908.829.614
Tăng vốn trong năm nay	44.043.000.000				44.043.000.000
Lãi trong năm nay				16.213.553.778	16.213.553.778
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm nay					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác				(72.629.234)	(72.629.234)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000			20.092.753.678	170.092.753.678

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp tại 31/12/2010		Vốn đã góp tại 31/12/2009
	%	VND	%	VND	VND
Cổ đông sáng lập	28,00%	42.000.000.000	28%	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ đông khác	72,00%	108.000.000.000	72%	108.000.000.000	63.957.000.000
	100,00%	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	105.957.000.000

1 Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <u>Giá trị giao dịch</u>
Công ty CP Văn hóa - Thông tin Thăng Long	Công ty liên kết	Thoái vốn	3.000.000.000
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch HĐQT Công ty	Thanh lý hợp đồng ủy thác	8.138.812.500
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty	Thanh lý hợp đồng ủy thác	1.166.121.600

2 Thù lao, thu nhập trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:

		<i>Đơn vị tính: VND</i> Quý 4 năm 2010
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18.000.000
Ông Phạm Quang Tiến	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	143.916.667
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	68.528.683
Ông Torsten ILLgen	Phó tổng giám đốc	51.693.000
Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị	12.000.000
Ông Nguyễn Xuân Biều	Thành viên Hội đồng quản trị	12.000.000

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Thị Thanh Mai

Trần Xuân Đại Thắng

Nguyễn Phúc Long